

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/DS-ST

Ngày: 11-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui
và Hợp đồng chuyển nhượng quyền
sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng góp hui và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh N (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 4, thị trấn C, huyện T, tỉnh N (có mặt).

-Bị đơn:

1. Ông Trần Đình L, sinh năm 1975 (có mặt);

2. Bà Lê Thị Hồng Nh, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã P, huyện C, tỉnh N.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Thế V, sinh năm 1988 (vắng mặt);

2. Chị Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 25/10/2021 của bà Đoàn Thị N, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và người đại diện theo ủy quyền của bà N là bà Huyền trình bày:

Do quen biết nên bà N có tham gia góp hụi với ông L, bà Nh nhiều lần. Năm 2018, bà N tham gia 04 dây hụi do bà Nh, ông L làm chủ thảo, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Ngày 10/05/2018 âm lịch (ngày 23/6/2018, mãn hụi ngày 10/5/2020), bà N tham gia 02 phần hụi 5.000.000 đồng/tháng, dây hụi gồm có 24 phần, đóng hụi được 20 kỳ, số tiền thực đóng 161.900.000 đồng, đến kỳ thứ 21 được lãnh hụi với số tiền 216.000.000 đồng, trừ 5.000.000 đồng tiền cò, còn lại 211.000.000 đồng nhưng bà Nh, ông L chưa đăng hụi.

Thứ 2: Ngày 10/05/2018 âm lịch (ngày 23/6/2018, mãn hụi ngày 10/5/2020), bà N tham gia 01 phần hụi 10.000.000 đồng/1 tháng, dây hụi gồm có 24 phần, đóng hụi được 20 kỳ, số tiền thực đóng là 158.450.000 đồng, đến kỳ thứ 21 được lãnh hụi với số tiền 224.000.000 đồng, trừ tiền cò 5.000.000 đồng, còn lại 219.000.000 đồng nhưng bà Nh, ông L chưa đăng hụi.

Thứ 3: Ngày 08/07/2018 âm lịch (ngày 18/08/2018, mãn hụi ngày 18/8/2020), bà N tham gia nửa phần hụi 50.000.000 đồng/tháng, dây hụi gồm có 24 phần, đóng hụi được 18 kỳ, số tiền đóng thực đóng là 323.100.000 đồng, đến kỳ thứ 19 bỏ thăm 6.000.000 đồng để lãnh hụi được 526.000.000 đồng, trừ tiền cò 6.000.000 đồng, còn lại 520.000.000 đồng, nhưng bà Nh, ông L chưa đăng hụi.

Thứ 4: Ngày 15/10/2018 âm lịch (ngày 21/11/2018, mãn hụi ngày 21/9/2020), bà N có tham gia 01 phần hụi là 10.000.000 đồng/tháng, dây hụi gồm có 22 phần, đóng hụi được 15 kỳ, số tiền đóng thực đóng là 116.450.000 đồng. Tuy nhiên, đến kỳ thứ 16 bà Nh có thỏa thuận với bà N trả lại tiền: Ngày 30/4/2020 bà Nh trả 23.750.000 đồng, ngày 30/4/2021 bà Nh trả 30.000.000 đồng, sau đó bà Nh trả 20.000.000 đồng, trả 10.000.000 đồng, trả 10.000.000 đồng, trả 10.000.000 đồng, 04 lần trả này không ghi ngày, tháng nhưng bà N có ghi vào sổ cho bà Nh, tổng cộng, bà Nh trả cho bà N số tiền 103.750.000 đồng. Toàn bộ số tiền này bà Nh với bà N thống nhất khấu trừ dây hụi 10.000.000 đồng khai ngày 15/10/2018 âm lịch. Do đó, bà N không khởi kiện đối với dây hụi này.

Do ông L, bà Nh không đăng hụi cho bà N và cũng không đi gom hụi, bà N đòi tiền nhiều lần thì ông L, bà Nh có trả được 5.000.000 đồng. Hiện nay, bà Nh, ông L còn nợ bà N ba dây hụi cụ thể:

- Dây hụi 1 đóng thực tế 161.900.000 đồng, bà N yêu cầu tính lãi từ ngày 10/5/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính như sau: $161.900.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 27 \text{ tháng} = 36.281.000 \text{ đồng}$. Tổng gốc và lãi là 198.181.000 đồng.

- Dây hụi 2 đóng thực tế 158.750.000 đồng, mãn hụi ngày 10/5/2020, bà N yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 10/5/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính như sau:

158.450.000 đồng x 0,83%/tháng x 27 tháng = 35.508.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 193.958.000 đồng.

- Dây hụi 3 đóng thực tế số tiền 323.100.000 đồng, mãn hụi ngày 18/8/2020, bà N yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 18/8/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính như sau: 323.100.000 đồng x 0,83%/tháng x 23 tháng = 61.680.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 384.780.000 đồng.

Nay bà N yêu cầu trả gốc và lãi đối với 3 dây hụi trên là 776.919.000 đồng, trừ số tiền đã trả sau này là 5.000.000 đồng, còn lại 771.919.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, triệu tập nhiều lần nhưng ông L, bà Nh không đến tòa, kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Đến ngày 15/01/2022, ông L, bà Nh đã tẩu tán tài sản bằng hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Vu (cháu ông L) và chị V phần đất diện tích 211 m², tại thửa 13, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Đây là tài sản duy nhất của ông L, bà Nh nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà N. Nay bà N yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Ngoài ra, bà N không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là ông Trần Đình L trình bày:

Ông thừa nhận những dây hụi bà N kiện vợ chồng ông trong đơn thì đều do vợ chồng ông làm chủ thảo, bà N có tham gia như bà N trình bày trong đơn. Tuy nhiên, cả 03 dây hụi trên đều đã mãn cách đây gần 02 năm nay, vợ chồng ông đã đăng hụi đầy đủ cho bà N, không còn nợ bà N nữa. Các giấy góp hụi bà N cung cấp mà ông được xem qua đều có chữ ký của vợ chồng ông. Giấy này thể hiện những lần vợ chồng ông đi gom hụi thì bà N ghi ngày đóng, số tiền đóng và vợ chồng ông ký nhận.

Khi khai hụi thì vợ chồng ông thông báo cho ai có nhu cầu tham gia biết để tham gia, sau đó lập danh sách hụi viên giao cho những người cần nhận, ai không cần nhận thì không giao. Đến kỳ gom hụi thì ký vào sổ của người đóng hụi, vợ chồng ông không mở sổ theo dõi vì nhớ rõ ai đã đóng, ai chưa đóng. Người nào được lãnh hụi thì vợ chồng ông tính hụi, trừ tiền cò, còn lại giao trực tiếp cho họ, có 01 hoặc 02 người lãnh hụi đầu tiên có làm giấy đăng hụi, những người còn lại thì không làm giấy đăng hụi vì thân quen với nhau. Cũng gần 02 năm nay vợ chồng ông không còn làm hụi nữa, các sổ sách hụi đều không còn giữ, kể cả trường hợp của bà N. Trường hợp của bà N thì cả 03 dây hụi bà N kiện ông thì đều không làm giấy khi đăng hụi, cũng không đưa danh sách hụi. Tuy nhiên, từ khi mãn hụi đến nay bà N không có đi đòi tiền hụi ông lần nào. Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nh về việc sang nhượng đất cho anh Vu, chị V. Nay ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Bị đơn là bà Lê Thị Hồng Nh trình bày:

Từ năm 2014 đến 2017, vợ chồng bà vay của mẹ anh Vu là bà Trần Thị Ngọc Vinh 04 lần tiền, tổng cộng là 968.440.000 đồng, cụ thể: Ngày 12/9/2014 vay 100.000.000 đồng, ngày 07/01/2017 vay 294.000.000 đồng, ngày 15/01/2017 vay 280.000.000 đồng, ngày 19/01/2017 vay 294.000.000 đồng, số tiền 440.000 đồng lẻ là phí chuyển khoản khi vay tiền. Lần đầu vay để xoay sở trong gia đình, 03 lần còn lại vay để mua ống nước làm công trình thuê cho người khác. Các lần vay đều có làm giấy

do bà đang còn giữ vì đã trả nợ xong. Đến cuối năm 2019, đầu năm 2020 thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn có khả năng ly hôn nên bà Vinh đòi tiền lại. Do không có tiền trả nên bà thống nhất giao nhà, đất để trừ nợ. Ban đầu bà ra giá 300.000.000 đồng/1m ngang nhưng bà Vinh trả 250.000.000 đồng/1m ngang nên bà không đồng ý. Sự việc dây dưa kéo dài đến đầu năm 2022 thống nhất giá 300.000.000 đồng/1m ngang. Bà Vinh yêu cầu sang tên cho vợ chồng V, Vu nên làm Hợp đồng chuyển nhượng để sang tên cho V, Vu luôn nhưng không biết lý do vì sao bà Vinh cho V, Vu đứng tên đất. Tại thời điểm ngày 15/01/2022, sổ đỏ đất này còn thế chấp Ngân hàng để vay 650.000.000 đồng nên bà Vinh có đưa cho ông L 650.000.000 đồng để trả nợ lấy sổ đỏ ra làm thủ tục chuyển nhượng. Hai bên hoàn tất thủ tục chuyển nhượng vào ngày 26/01/2022. Đất này có chiều ngang 06 m, diện tích 252,9 m², tại thửa số 13, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Bà đã chính thức giao nhà đất cho bà Vinh từ đầu năm 2022, còn trước đó chỉ nói miệng. Như vậy, số tiền bà sang nhượng đất cho bà Vinh là 1,8 tỷ đồng, trừ nợ hết 1.618.440.000 đồng, còn lại 181.560.000 thì trừ vào tiền lãi nên xem như giữa bà và bà Vinh không còn nợ gì nhau nữa. Bà thống nhất với lời trình bày của ông L về việc góp hội với bà N. Nay bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Thế Vu trình bày:

Theo anh biết thì cậu, vợ anh là ông L, bà Nh có vay tiền mẹ ruột anh là bà Trần Thị Ngọc Vinh từ năm 2019 trở về trước, vay nhiều lần nhưng anh không biết vay tổng cộng bao nhiêu tiền. Do không có tiền để trả nên mới giao nhà đất cho mẹ anh để trừ nợ vì số tiền nợ gần bằng giá trị nhà đất. Cuối năm 2019, cậu vợ anh đã giao nhà đất cho anh sử dụng nhưng chưa sang tên. Sau đó, cha mẹ anh cho vợ chồng anh nhà đất này nên mới làm thủ tục sang tên từ cậu vợ anh cho vợ chồng anh luôn thông qua việc làm Hợp đồng chuyển nhượng. Vợ chồng anh được cấp sổ đỏ đối với nhà đất này vào ngày 26/01/2022 theo dạng chỉnh lý trang 4, đến ngày 18/02/2022 thì được cấp sổ đỏ mới, sổ đỏ do anh đang giữ. Đất này có diện tích 252,9 m², tại thửa số 13, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, tứ cận đất thì anh không rõ. Nhà, đất này hiện nay không có ai ở, anh định cho thuê nhưng chưa có người thuê. Vì vậy, trong vụ việc này vợ chồng anh chỉ biết làm thủ tục sang tên đất chứ không biết rõ việc trừ nợ, trả tiền như thế nào mà việc đó do mẹ anh và cậu vợ anh thực hiện. Nay anh không đồng ý với yêu cầu Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh và cậu vợ anh của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Cẩm V trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của anh Vu.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N về tranh chấp hợp đồng góp hui. Buộc ông Trần Đình L và bà Lê Thị Hồng Nh có nghĩa vụ trả lại cho bà Đoàn Thị N 643.920.000 đồng tiền hui gốc còn nợ và tiền lãi theo quy định của pháp luật; khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng.

+ Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Đoàn Thị N về việc yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Đình L, bà Lê Thị Hồng Nh và anh Phạm Thế Vu, chị Nguyễn Thị Cẩm V.

+ Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà N vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Huyền đại diện. Anh Vu, chị V vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà N, anh Vu, chị V.

[1.2] Ngày 09/8/2022, bà N có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L, bà Hồng Nh và anh Vu, chị V. Căn cứ vào quy định tại Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung này của bà N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Tại phiên tòa, bà Huyền đại diện cho bà N yêu cầu ông L, bà Nh trả cho bà N 643.920.000 đồng tiền gốc còn nợ và 133.575.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 777.495.000 đồng, trừ 5.000.000 đồng đã trả còn lại 772.495.000 đồng. Ông L, bà Nh không đồng ý với yêu cầu của bà N.

[2.2] Xét yêu cầu của bà N thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bà N đã cung cấp được tất cả các chứng cứ là sổ ghi việc góp hui thể hiện việc bà có tham gia góp hui với bà Nh, ông L ở 03 dây hui bà khởi kiện trong vụ án này; ông L, bà Nh cũng thừa nhận bà N có tham gia góp hui trong 03 dây hui bà N khởi kiện trong vụ án này nên việc góp hui này của hai bên là có thật. Bà N cho rằng ông L, bà Nh chưa đăng hui cho bà nhưng sau đó không đi gom hui nữa nên nay bà chỉ yêu cầu trả tiền gốc bà thực đóng và tính lãi chậm trả theo mức lãi 0,83% tháng tính từ ngày mãn hui là ngày 10/5/2020 đến ngày 10/8/2022 đối với 02 dây hui khai ngày 10/5/2018 âm lịch và từ ngày mãn hui là 18/8/2020 đến ngày 18/7/2022 đối với dây hui khai ngày 08/7/2018 âm lịch là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông L, bà Nh cho rằng

đã đăng hui cho bà N, không còn nợ tiền hui của bà N, không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà N nhưng ông, bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc đã đăng hui, bà N cũng không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày này của ông bà. Do đó, việc khởi kiện của bà N là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường cần buộc ông L, bà Nh có nghĩa vụ trả cho bà N tiền hui còn nợ đối với 03 dây hui trên cụ thể như sau:

- Dây hui 1 khai ngày 23/6/2018, mần ngày 10/5/2020, tiền đóng thực tế là 161.900.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/5/2020 đến ngày 10/8/2022 là 27 tháng, thành tiền là 36.281.000 đồng, tổng gốc và lãi là 198.181.000 đồng.

- Dây hui 2 khai ngày 23/6/2018, mần ngày 10/5/2020, tiền đóng thực tế là 158.920.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/5/2020 đến ngày 10/8/2022 là 27 tháng, thành tiền là 35.614.000 đồng, tổng gốc và lãi là 194.534.000 đồng.

- Dây hui 3 khai ngày 18/08/2018, mần ngày 18/8/2020, tiền đóng thực tế là 323.100.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/8/2020 cho đến ngày 18/7/2022 là 23 tháng, thành tiền là 61.680.000 đồng, tổng gốc và lãi là 384.780.000 đồng.

[2.3] Tổng số tiền cả gốc lẫn lãi ông L, bà Nh phải trả cho bà N của 03 dây hui trên là 777.495.000 đồng. Bà N thừa nhận ông L, bà Nh có trả được thêm 5.000.000 đồng và đồng ý trừ ra. Vì vậy, ông L, bà Nh còn phải trả cho bà N số tiền là 772.495.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc ông L, bà Nh phải chịu 34.900.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N đối với ông Trần Đình L, bà Lê Thị Hồng Nh về việc tranh chấp Hợp đồng góp hui.

Buộc ông Trần Đình L, bà Lê Thị Hồng Nh cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Đoàn Thị N tiền hui gốc và lãi còn nợ tổng cộng là 772.495.000 (bảy trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn) đồng .

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L, bà Nh không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng ông L, bà Nh còn phải trả cho bà N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Đoàn Thị N đối với ông Trần Đình L, bà Lê Thị Hồng Nh về việc yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Đình L, bà Lê Thị Hồng Nh và anh Phạm Thế Vu, chị Nguyễn Thị Cẩm V.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Đình L, bà Lê Thị Hồng Nh phải chịu 34.900.000 (ba mươi bốn triệu chín trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho bà N, ông L, bà Nh biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Vu, chị V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Chung